TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**

2. Ông **Lê Văn Chi**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Bà **Trần Thúy An** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh K.

Nay là: Ấp N, xã G, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh K.

Nay là: Ấp N, xã G, tỉnh A.

(Chị G có mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày:***

Do quen biết chị và anh B tiến tới hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm ý kiến với nhau, tình trạng hôn nhân bất đồng nghiêm trọng, dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể cứu giãn được. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân được nữa nên đề nghị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 10/8/1991 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị G xác định vẫn giữ yêu cầu được ly hôn; về con chung: 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh B: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G xác định do quen biết vào năm 1991, chị và anh B tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm

2023 thì phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm ý kiến với nhau, tình trạng hôn nhân bất đồng nghiêm trọng, dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể cứu giãn được. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân được nữa nên đề nghị được ly hôn với anh B. Phía anh B không có ý kiến gì về việc Chị G xin ly hôn và cũng không tham gia các phiên hòa giải để thể hiện ý kiến của anh là mong muốn đoàn tụ. Xét thấy anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nay có tranh chấp phát sinh nên hôn nhân giữa chị Bùi Thị G và anh Nguyễn Văn B không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên căn cứ quy định tại Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị G và anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị G xác định có 02 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 10/8/1991 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B không có ý kiến gì về tà sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013202 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú ở Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh K (nay là Ấp N, xã G, tỉnh A). Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo chị Bùi Thị G xác định do quen biết vào năm 1991, chị và anh B tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm ý kiến với nhau, tình trạng hôn nhân bất đồng nghiêm trọng, dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể cứu giãn được. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân được nữa nên đề nghị được ly hôn với anh B.

Phía anh B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía Chị G đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của Chị G là đơn phương nhưng anh B không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh B không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh B không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với Chị G. Đồng thời, anh chị đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị G và anh B đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Giàu là có căn cứ. Tuy nhiên do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định Chị G và anh B không

được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị G xác định có 02 người con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 10/8/1991 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001; hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị G và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị G và anh Nguyễn Văn B xác định có 02 người con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 10/8/1991 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001; hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013202 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang) nên được cấn trừ xem như Chị G đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Bùi Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/8/2025). Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Ngọc Giàu